

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 432/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Khương đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Mường Khương tại Văn bản số 1496b/UBND-TCKH ngày 28/12/2010 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 655/BC-SKH ngày 30/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Khương đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Tập trung đầu tư có trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh, chuyển đổi căn bản phương thức sản xuất kinh doanh truyền thống sang phương thức sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, tạo ra các mũi đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Gắn phát triển trước mắt và lâu dài, lấy phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản làm động lực đóng góp cho tăng trưởng, đẩy nhanh phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là phát huy kinh tế cửa khẩu; coi trọng phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện. Đặt sự phát triển của Mường Khương trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế; trong sự hợp tác chặt chẽ với các huyện, thành phố trong tỉnh Lào Cai để phát triển kinh tế có chất lượng và hiệu quả cao hơn.

3. Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với phát triển xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội nhằm trước hết tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo và nâng cao mức sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, bảo đảm công bằng xã hội. Quan tâm thỏa đáng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội đối với khu vực nông thôn. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Đặc biệt coi trọng nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

4. Phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững. Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục môi trường. Không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên, các di tích văn hóa lịch sử.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố an ninh - quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Giảm nghèo nhanh, bền vững; Phấn đấu đến năm 2020, phát triển Mường Khương trở thành huyện phát triển ở gần mức trung bình của tỉnh Lào Cai (đứng thứ 8 so với các huyện, thành phố). Thị trấn Mường Khương được mở rộng và phát triển trở thành đô thị loại IV, trở thành địa bàn quan trọng về giao lưu kinh tế, phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm nghiệp, dịch vụ du lịch của tỉnh; các vấn đề văn hoá - xã hội được giải quyết tốt, môi trường sinh thái được bảo vệ, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chính trị ổn định, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Mục tiêu kinh tế:

- Đến năm 2015, thu nhập bình quân/người (tổng sản phẩm/người) đạt 24 triệu đồng; đến năm 2020, tổng sản phẩm/người đạt 52,9 triệu đồng.

- Nhịp độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm đạt 15,3%/năm giai đoạn 2011 - 2015; và 14,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Cơ cấu của nền kinh tế huyện: Nông, lâm và thủy sản - Dịch vụ - Công nghiệp, xây dựng sẽ là: Đến năm 2015: 48,0% - 33,7% - 18,2%; đến năm 2020: 35,7% - 38,5% - 25,8%.

2.2. Mục tiêu xã hội:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tỷ lệ tăng dân số (cả tăng dân số tự nhiên và tăng cơ học) đạt 1,4%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 1,3%/năm; đến năm 2020 dân số của huyện đạt 61.147 người.

- Đến năm 2015, phần đầu 25% số xã (4 xã) đạt hoàn thành các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới; đến năm 2020, tỷ lệ này phần đầu đạt 43% (7 xã).

- Phần đầu giảm tỷ lệ nghèo mỗi năm từ 6 - 7% theo tiêu chí ở từng giai đoạn.

- Giai đoạn 2011 - 2015, phần đầu tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho khoảng 1.000 lao động; giai đoạn 2016 - 2020 phần đầu tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho khoảng 1.200 người. Trong đó bình quân hàng năm xuất khẩu lao động đi các nước ít nhất là 160 người.

- Đến năm 2015: Phần đầu trên 90% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; và đạt 95% số hộ trở lên có điện sau năm 2016.

- Đến năm 2015, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, tập huấn đạt trên 40%; đến năm 2020 tỷ lệ này đạt trên 60%.

- Đến năm 2015, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn dưới 20%; đến năm 2020 giảm còn dưới 10%.

- Công tác an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.3. Mục tiêu bảo vệ môi trường:

- Môi trường được giữ vững, không còn tình trạng ô nhiễm ở các điểm, cụm TTCN, các đô thị, làng nghề.

- Đến năm 2015, phần đầu tỷ lệ che phủ của rừng là 45%; đến năm 2020, tỷ lệ này là 50%.

- Đến năm 2015, phần đầu 100% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; đến năm 2020 phần đầu 100% dân số nông thôn được dùng nước sạch và nước hợp vệ sinh.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Đối với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 13,1%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 8,5%/năm.

b) Phương hướng phát triển:

- Tiếp tục phát triển sản xuất lương thực, đáp ứng đủ nhu cầu cho dân cư trong huyện, đảm bảo an ninh lương thực, dành một khối lượng cung cấp cho thị trường trong nước hoặc xuất khẩu, ngành nghề chế biến nông sản tạo giá trị gia tăng.

- Ưu tiên phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao đưa ra thị trường ngoại vùng và xuất khẩu như cây chè, rau, hoa quả ôn đới, đậu tương, chăn nuôi trâu bò thịt, lợn để tăng thu nhập và tiết kiệm để tái đầu tư.

- Phát triển thêm các ngành nghề dịch vụ, nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi nhằm tạo ra nền sản xuất phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội của từng huyện, từng vùng như vùng lúa, vùng ngô, vùng chè, vùng đậu tương, vùng cây dược liệu, thuốc lá, vùng cao su, rừng sản xuất... để có thể phát huy tối đa những lợi thế sẵn có tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá có hiệu quả kinh tế cao. Phát triển một nền nông nghiệp sinh thái bền vững, có năng suất và giá trị kinh tế cao và sản phẩm sạch.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, những nơi có thể mạnh về trồng trọt cần tập trung tạo vùng chuyên canh với quy mô phù hợp, nhất là những cây đã và đang trở thành thương hiệu nổi tiếng của Mường Khương như: Gạo Sến Cù, tương ớt...; những nơi khó có điều kiện phát triển vùng sản xuất chuyên canh về các loại cây trồng, cần giảm tỷ trọng ngành trồng trọt và tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi gia súc, nhất là phát triển đàn lợn (đặc biệt là giống lợn đen) làm mũi nhọn trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cụ thể:

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững với quy mô hợp lý; nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng. Quy hoạch chi tiết các loại rừng, trong đó ưu tiên phát triển rừng sản xuất tạo đầu vào cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản, chú trọng bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn.

- củng cố, mở rộng các cơ sở chế biến gắn với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu như chè, thuốc lá, cây ăn quả...; tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân; đẩy nhanh quá trình ứng dụng công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

- Ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất: Chọn lọc và đưa vào sản xuất cây, con giống có năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó ưu tiên thủy lợi, giống cây, con, cơ sở chế biến nông, lâm sản và ngành nghề nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến lâm, kiên cố hoá kênh mương, chính sách trợ cước, trợ giá và tiêu thụ sản phẩm, trợ cước vận chuyển vật tư, phân bón... trong sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, đặc biệt là khuyến nông xã; mở rộng hình thức khuyến nông tự nguyện.

2. Ngành công nghiệp - xây dựng

a) Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu đưa GTSX ngành công nghiệp tăng bình quân trên 15,5%/năm, đạt 45.255 triệu đồng vào năm 2015.

- Giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đưa GTSX ngành công nghiệp tăng bình quân trên 16,5%/năm, đạt 95.052 triệu đồng vào năm 2020.

b) Phương hướng phát triển:

Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, tiềm năng, lợi thế và cơ hội trong phát triển công nghiệp, định hướng phát triển công nghiệp Mường Khương như sau:

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ như chế biến nông, lâm và thủy sản; vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến khoáng sản.

- Quan tâm phát triển công nghiệp phụ trợ để từng bước tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp của các khu (cụm) công nghiệp trên địa bàn tỉnh như Khu công nghiệp Tăng Loỏng, Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải...

- Thu hút đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm TTCN phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với quá trình đô thị hoá.

- Phát triển các nghề và làng nghề tiểu, thủ công nghiệp để tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ, trực tiếp tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Khai thác có hiệu quả công suất các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hiện có trên địa bàn huyện; tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá, mở rộng thị trường cho các sản phẩm.

- Chú trọng sự phát triển bền vững, giải quyết tốt các vấn đề về an toàn môi trường ngay trong công tác quy hoạch và điều hành để có được sự phát triển bền vững, không để xảy ra các sự cố môi trường sinh thái.

- Triển khai có hiệu quả các đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

3. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ

a) Mục tiêu phát triển ngành dịch vụ:

- Phấn đấu tăng trưởng VA khối ngành dịch vụ đạt 17,5%/năm và 17,4%/năm ở từng giai đoạn phát triển.

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 31%/năm; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 15,5%/năm và giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ tương ứng là 24,2%; 12,5%.

b) Phương hướng phát triển dịch vụ thương mại:

- Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu, đẩy mạnh giao lưu hàng hoá xuất, nhập khẩu qua cửa khẩu. Lấy kinh tế cửa khẩu làm động lực phát triển các ngành kinh tế phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nhất là phát triển về công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp và kinh tế thương mại cửa khẩu.

- Khuyến khích và mở rộng hệ thống thương mại bán lẻ ở khu trung tâm huyện lỵ, trung tâm cụm xã và trung tâm các xã. Trên cơ sở quy hoạch, tiếp tục đầu tư, nâng cấp và mở mới các chợ nông thôn, ưu tiên đầu tư và nâng cấp chợ trung tâm huyện lỵ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trao đổi hàng hoá và các nhu yếu phẩm thiết yếu, ngoài ra quy hoạch và đầu tư xây dựng các chợ còn nhằm phục vụ cho phát triển du lịch.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, quan tâm đầu tư quản lý tốt dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, nhà hàng khách sạn, dịch vụ bưu chính viễn thông, tạo mọi điều kiện về đất đai, cơ chế đầu tư để thu hút các nhà đầu tư.

c) Phương hướng phát triển dịch vụ du lịch:

- Phát triển để từng bước đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với các sản phẩm tiêu biểu là du lịch sinh thái, văn hoá dân tộc, lễ hội truyền thống.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, giới thiệu hình ảnh và con người Mường Khương với các nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước.

- Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, lịch sử.

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch.

- Từng bước gắn kết hoạt động du lịch của huyện vào khu (tuyến) du lịch tổng hợp và khu (tuyến) du lịch chuyên đề của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp khu du lịch hang động Hàm Rồng (cách trung tâm huyện 1,5 km đã được xếp hạng danh thắng quốc gia); đầu tư cơ sở hạ tầng quần thể khu thắng cảnh du lịch thác Tà Lâm tại thị trấn Mường Khương; phát triển các tuyến du lịch động Hàm Rồng - các xã Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu; tuyến du lịch trên dòng sông Chảy: Bảo Nhai - Cao Sơn; đầu tư xây dựng các điểm du lịch sinh thái các khu vực vùng cao: Cao Sơn, Lùng Khẩu Nhin, La Pán Tân, Tả Thành.

4. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội**a) Giáo dục - đào tạo:**

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 ở 16/16 xã, thị trấn, 16/16 đạt chuẩn phổ cập một năm mẫu giáo 5 tuổi, 16/16 xã duy trì vững chắc phổ cập giáo dục THCS; Đến năm 2020 tiếp tục duy trì vững chắc chuẩn phổ cập giáo dục các cấp học cơ sở.

- Đến năm 2015, tỷ lệ huy động số cháu trong độ tuổi đến trường mẫu giáo đạt 99%, tiểu học đạt 99% và trung học cơ sở đạt 98% và đến năm 2020, các chỉ tiêu tương ứng là 100%; 99,8%; 99%.

- Đến năm 2015, phần đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 30% trong tổng số trường; đến năm 2020 tỷ lệ này đạt trên 60%.

- Đến năm 2015 có trên 90% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đến năm 2020, 100% phòng học được xây dựng kiên cố, 100% số trường học có phòng học chức năng, phòng thiết bị thí nghiệm, phòng học máy vi tính,

- Đến năm 2015 có đáp ứng được tối thiểu 75% phòng bán trú cho học sinh và nhà công vụ cho giáo viên; đến năm 2020 xây dựng đủ phòng bán trú cho học sinh và nhà công vụ cho giáo viên.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuẩn về trình độ quản lý, lý luận chính trị và chuyên môn; đến năm 2020 có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học đạt chuẩn về trình độ chuyên môn trở lên, 100% số CBQL được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và trình độ lý luận chính trị, 100% cán bộ quản lý ứng dụng được công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; 100% các đơn vị trường học xây dựng được các tổ Đảng trở lên.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và đào tạo nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sự nghiệp giáo dục, trước mắt, hoàn thiện công trình Trường THPT số 3 tại Cao Sơn; xây dựng mới Trường PTTH số 4 tại Pha Long ; thành lập các trường THCS và THPT bán trú của huyện (Dân tộc Nội trú liên cấp 2+3).

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy mạnh phổ cập giáo dục THCS.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học, phòng học các cấp, đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi theo hướng nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Mở các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi đại gia súc, trồng rau an toàn, trồng và chế biến thuốc lá đáp ứng nhu cầu xã hội cho nhân dân.

b) Y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

* Mục tiêu phát triển:

- Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm dưới 20%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đạt trên 98%; 100% phòng khám ĐKKV được xây dựng kiên cố và có bác sĩ; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; trên 30% số Trạm Y tế có bác sĩ.

- Đến năm 2020, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 01 tuổi giảm xuống 10‰; tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 01 tuổi hàng năm đạt 100%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 10%; khám, chữa bệnh bình quân trên 2,6 lần/người/năm; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã thực hiện tốt công tác duy trì chuẩn; có trên 98% các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh; cơ bản hoàn thành hệ thống khám, chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã theo quy hoạch ngành.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn cho cán bộ y tế từ huyện đến xã.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh; cơ bản hoàn thành hệ thống khám, chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã theo quy hoạch ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện y tế dự phòng; chủ động trong công tác giám sát ngăn ngừa, phòng, chống dịch bệnh.

c) Sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao

* Mục tiêu phát triển:

- Mục tiêu phát triển văn hoá:

+ Đến năm 2015, phấn đấu 70% tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hoá. Đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 80%. Riêng các xã trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hoá đến năm 2015 là 75% và 85% vào năm 2020.

+ Đến năm 2015, phấn đấu 50% thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa, riêng các xã trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới tỷ lệ này là 60%; phấn đấu 95% số cơ quan, đơn vị, trường học đạt danh hiệu văn hoá. Đến năm 2020, các chỉ tiêu này lần lượt phấn đấu đạt 60% (riêng các xã trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới tỷ lệ tương ứng là 70%) và 99%; .

+ Đến 2015, phấn đấu 50% thôn bản có nhà văn hoá được xây dựng đồng bộ; đến năm 2020 tỷ lệ này là 80%; riêng các xã trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới tỷ lệ tương ứng là 70% và 100%.

- Mục tiêu phát triển thể dục, thể thao (TDTT):

+ Đến năm 2015, có 75% số trường học có đủ giáo viên chuyên trách TDTT; có 75% hướng dẫn viên, cộng tác viên xã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TDTT; có 50% hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT thôn, bản được tập huấn nghiệp vụ. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt: 98%; 85%; 80%.

+ Đến năm 2015, phần đầu 35 - 40% số xã được xây dựng các điểm tập luyện TDTT. Đến năm 2020, các tỷ lệ này là 75%.

+ Đến năm 2015, phần đầu 30% - 35% nhu cầu dịch vụ TDTT được cung cấp bởi các cơ sở TDTT ngoài công lập; đến năm 2020, mục tiêu phần đầu đạt là 65%.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá;

- Tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống thiết chế văn hoá, ưu tiên đầu tư cho các thiết chế văn hoá phục vụ cộng đồng.

- Tăng cường xây dựng phong trào TDTT, chú trọng những nơi vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và thể thao học đường; đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động văn hóa - TDTT;

d) Phát thanh, truyền hình, tuyên truyền báo chí:

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phần đầu 95% số hộ được nghe đài, 90% số hộ được xem truyền hình; thời lượng chương trình đài địa phương (tỉnh) tăng gấp 2 lần, của huyện tăng gấp 1,5 lần.

- Đến năm 2020, phần đầu duy trì 100% số hộ có nhu cầu được xem truyền hình và được nghe Đài TNVN.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, thời lượng phát thanh của huyện.

- Đầu tư, nâng cấp đài phát thanh huyện; tiếp tục đầu tư, cấp máy phát hình và trạm truyền thanh không dây cho các trạm trung tâm xã, cụm xã.

e) Về dân số, lao động, việc làm và xóa đói, giảm nghèo:

* Mục tiêu phát triển:

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công; chính sách bảo trợ xã hội; chính sách giảm nghèo; lao động việc làm; phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tỷ lệ tăng dân số (cả tăng dân số tự nhiên và tăng cơ học) đạt 1,4%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 1,3%/năm.

- Giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân đạt 6 - 7%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.

- Đến năm 2015, phần đầu 100% số người trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề được đào tạo và tỷ lệ đào tạo lao động có việc làm sau đào tạo đạt 80%. Số người sau đào tạo có việc làm có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm đạt 100% cho người có nhu cầu vay vốn.

- Đến năm 2015, phần đầu 70% và đến năm 2020, phần đầu 100% các trường mẫu giáo được lắp đặt trang thiết bị vui chơi ngoài trời.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Triển khai xây dựng đề án giảm nghèo (2011 - 2015), đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011 - 2020, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020.

- Tăng cường đội ngũ giáo viên dạy nghề có chuyên môn cho Trung tâm Dạy nghề của huyện; bổ sung biên chế quản lý nhà nước chuyên trách về công tác đào tạo nghề cho Phòng Lao động - TB&XH.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Dạy nghề + Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện và đảm bảo trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu về đào tạo nghề trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công; chính sách bảo trợ xã hội; chính sách giảm nghèo; lao động việc làm; phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

g) Phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường:

- Tiếp thu những kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường vào sản xuất, bảo quản và chế biến, đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị hàng hoá.

- Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho lực lượng cán bộ, đặc biệt là cán bộ cơ sở nhằm nâng cao năng lực, trình độ, tiếp cận được với những tiến bộ khoa học, công nghệ để ứng dụng vào thực tế.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ để nghiên cứu, thử nghiệm, lai tạo các loại giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện địa phương, xây dựng các mô hình sản xuất điểm làm cơ sở nhân rộng và phát triển sản xuất, nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung.

Nâng cao hệ thống xây dựng tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trong thiết kế, quy hoạch đô thị, cụm công nghiệp, du lịch và nhà ở; tăng cường công tác xử lý rác thải tại các đô thị và khu dân cư tập trung; tìm nơi chôn lấp xa khu dân cư hoặc phải sử dụng công nghệ tái sử dụng hoặc chế biến phân bón; giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị, cụm công nghiệp địa phương, khu khai thác và chế biến các loại tài nguyên.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Phát triển mạng lưới giao thông:

- Xây dựng và hoàn thiện các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường tuần tra biên giới, đường ra biên giới; kè sông biên giới và kè bảo vệ chân cột mốc biên giới: Đường từ mốc Biên giới 22 xuống sông Xanh thuộc khu vực Đồn Biên phòng Tả Gia Khâu dài 20 km; nâng cấp đường quốc lộ 4D - Cửa khẩu chính, quy mô 10 km đường cấp IV; nâng cấp đường Pha Long - Lao Kha quy mô 6 km đường cấp IV; đường hành lang biên giới: Nâng cấp QL 4 đoạn Mường Khương - Nàn Ma, tỉnh Hà Giang quy mô 90 km đường cấp IV; nâng cấp 33 km đoạn ngã ba Bản Phiệt - Mường Khương đường cấp IV; đường Bản Lầu - Lùng Vai - Nậm Chảy dài 14 km, quy mô đường cấp V...; kè bảo vệ biên giới sông Xanh mốc 168 (2); đầu tư xây dựng các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân trong vùng mưa lũ.

- Đến năm 2015 có 100% đường đến trung tâm các xã được rải nhựa; 100% có đường ô tô, xe máy đến trung tâm các thôn, bản, trong đó: Có trên 50% đường thôn bản được rải cấp phối. Đến năm 2020 phần đầu trên 70% đường thôn, bản được rải cấp phối và bê tông xi măng; 90% hệ thống giao thông huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các xã được nâng cấp chuẩn hoá đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi. Cơ bản đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư mở mới và nâng cấp các tuyến đường giao thông liên thôn, bản (gồm cả cầu, cống) tại 16 xã, thị trấn với 134 công trình đường (387,8 km), trong đó: Nâng cấp 80 công trình (247,3 km), mở mới 38 công trình (140,5 km) và 15 cầu (244 m).

- Đến năm 2012, hoàn thiện xây dựng bến xe khách tại thị trấn Mường Khương, quy mô trên 5.000 m²; quy hoạch, xây dựng một số điểm đón, trả khách ở các trung tâm xã trên các trục giao thông chính trên địa bàn huyện.

b) Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước:

- Đến năm 2015, phần đầu xây dựng mới và nâng cấp các đầu mối kênh mương được kiên cố hoá đạt 85% và kiên cố hoá kênh mương 90%; đến năm 2020, phần đầu 100% các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng kiên cố.

- Đến năm 2015, phần đầu đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 80% diện tích lúa đông xuân, 95% diện tích vụ mùa và 80% diện tích trồng màu; đến năm 2020, phần đầu đảm bảo tưới tiêu chủ động cho trên 90% diện tích lúa đông xuân, trên 100% diện tích vụ mùa và diện tích trồng màu.

- Đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 phần đầu trên 100% dân số đô thị được dùng nước sạch.

- Đến năm 2015, phần đầu trên 85% và đến năm 2020 đạt 98,9% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

c) Phát triển mạng lưới điện:

- Cải tạo, nâng cấp đầu tư mới lưới 220 KV, lưới 110 KV, cụ thể: Đầu tư các Trạm biến áp 220/110/35KV-2x125MVA tại thị trấn Mường Khương và các xã để cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt.

- Đến năm 2015, đầu tư xây dựng mới và nâng cấp 62 công trình cấp điện trên địa bàn 16 xã, thị trấn với 75 thôn (phục vụ 3.254 hộ), trong đó: Nâng cấp 11 công trình (280 hộ), làm mới 51 công trình (2.974 hộ).

- Tập trung xây dựng đường điện đến các thôn, bản chưa có điện lưới; xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cấp điện cho các trung tâm đô thị (thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã), các cụm TTCN.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trực, tuyến động lực phát triển kinh tế

- Vùng trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện bao gồm: Thị trấn Mường Khương (đô thị loại V vào năm 2015 và loại IV vào năm 2020), Bản Lầu, Bản Xen, Lũng Vai, Thanh Bình, Pha Long và Cao Sơn.

- Hành lang đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch bao gồm các đô thị, khu vực: Thị trấn Mường Khương, Bản Lầu, Pha Long, Cao Sơn.

- Trục phát triển kinh tế với an ninh - quốc phòng bao gồm: Bản Lầu, Lũng Vai, Nậm Chảy, thị trấn Mường Khương, Tung Chung Phố, Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu.

2. Phát triển hệ thống đô thị, bố trí dân cư, nông thôn mới

- Nâng cấp, mở rộng, phát triển thị trấn Mường Khương trở thành đô thị loại IV.

- Phát triển nâng cấp thêm 02 thị trấn: Bản Lầu, Pha Long và 01 thị tứ: Cao Sơn.

- Tập trung nguồn lực đầu tư, phân đấu đến năm 2020 hoàn thành xây dựng 7/15 xã đạt tiêu chí nông thôn mới là: Bản Lầu, Bản Xen, Lũng Vai, Thanh Bình, Nậm Chảy, Nậm Lự, Lũng Khấu Nhin. Quan tâm đầu tư trung tâm các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là các xã biên giới gắn với việc bố trí lại dân cư trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung vào đường giao thông liên thôn, hệ thống thuỷ lợi, cấp điện và nước sinh hoạt... tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

3. Phương hướng tổ chức không gian ngành nông, lâm và thuỷ sản

- Quy hoạch và phát triển vùng chè Shan 700 ha tại khu vực 4 xã vùng cao là Cao Sơn, Lũng Khấu Nhin, La Pán Tẩn, Tả Thàng; đến 2012 vùng chè tập trung 4 xã vùng

thấp là Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình có 1.200 ha chè sản xuất; mở rộng vùng trồng thuốc lá nguyên liệu lên 900 ha gắn sản xuất với chế biến nông sản và tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn. Phát triển mô hình kinh tế trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã và các làng nghề truyền thống.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển vùng rau sạch khu Cao Sơn, Pha Long, Mường Khương với diện tích: 50 ha.

- Tiếp tục quy hoạch và phát triển ổn định các vùng: Lúa, ngô tại 16 xã, thị trấn; trong đó: 700 ha lúa đặc sản Sến Cù ở các xã Tung Chung Phố, Lùng Khấu Nhin, Nậm Lư, Mường Khương, Tả Ngải Chồ, Nậm Cháy, Thanh Bình.

- Quy hoạch phát triển trồng ớt là 300 ha/năm cho 16 xã, thị trấn, trên cơ sở cải tạo vườn tạp, chuyển đổi một số diện tích trồng các cây trồng cạn kém hiệu quả sang trồng ớt.

- Quy hoạch 1.350 ha vùng trồng cây ăn quả cụ thể: Cây lê xanh tại xã Dìn Chín, Pha Long, Tả Ngải Chồ; cây mận hậu tại xã Cao Sơn, La Pán Tẩn; 300 ha cây chuối tại xã Bản Lầu, Nậm Cháy; 800 ha cây dứa tại xã Bản Lầu; 50 ha cây quýt ngọt tại xã Mường Khương, Tung Chung Phố, Nậm Cháy, Pha Long; 55 ha cây chanh trái vụ tại các xã: Nậm Cháy, Mường Khương, Tung Chung Phố, Nậm Lư, Thanh Bình; cây mận hậu tại Cao Sơn, La Pán Tẩn...

- Vùng chăn nuôi: Lợn với quy mô 52.000 con ở Mường Khương, Nậm Lư, Cao Sơn, Tả Ngải Chồ, Lùng Vai, Bản Xen, Bản Lầu, Nậm Cháy; gia cầm 529 nghìn con tại 16 xã, thị trấn; trâu 28.000 con tại Lùng Khấu Nhin, Cao Sơn, La Pán Tẩn, Nậm Cháy, Thanh Bình; bò 5.500 con tại Tả Gia Khâu, Dìn Chín, Pha Long, Tả Ngải Chồ, Tung Chung Phố, Nậm Lư.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 đạt quy mô 92 ha tại các xã vùng thấp như Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai; nuôi cá lồng bè tại Tả Thành.

- Quy hoạch vùng rừng phòng hộ: 4.486 ha, trong đó giai đoạn 2011 - 2020 quy hoạch trồng mới 1.420 ha (diện tích thực trồng là 1.065 ha), khoanh nuôi 2.116 ha tại 9 xã biên giới: Bản Lầu, Lùng Vai, Nậm Cháy, Mường Khương, Tung Chung phố, Pha Long, Tả Gia Khâu, Tả Ngải Chồ, Dìn Chín; vùng rừng kinh tế: 4.060 ha, trong đó giai đoạn 2011 - 2020 quy hoạch trồng mới 2.490 ha (diện tích thực trồng là 1.867 ha), tại 16 xã, thị trấn trong huyện.

- Quy hoạch trồng 660 ha cây cao su tại 2 xã: Lùng Vai, Bản Lầu.

4. Phương hướng tổ chức không gian phát triển công nghiệp

- Giai đoạn 2011 - 2015 tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng TTCN Hủm Pa Lai để đủ điều kiện thu hút các nhà đầu tư, phát triển sản xuất, gia công hàng hoá phục vụ xuất nhập khẩu, bố trí các cơ sở chế biến nông, lâm sản, cơ khí sửa chữa,... trên địa bàn huyện cho tập trung, thuận lợi cho xử lý môi trường.

- Giai đoạn 2016 - 2020, quy hoạch thêm 01 cụm TTCN gắn với trục giao thông chính (quốc lộ 4D) tại Bản Lầu.

- Đầu tư phát triển Xưởng tuyển quặng chì, kẽm ở xã Cao Sơn; Xưởng tuyển nổi chì, kẽm và Atimol tại xã Nậm Chảy; Nhà máy Luyện chì, kẽm tại Bản Lầu.

5. Quy hoạch mạng lưới, siêu thị, cửa hàng tổng hợp, chợ

- Siêu thị: Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư xây dựng siêu thị loại III tại thị trấn Mường Khương và đầu tư xây dựng các cửa hàng thương mại tổng hợp theo hướng văn minh, hiện đại tại trung tâm xã: Bản Lầu, Pha Long, Cao Sơn; giai đoạn 2016 - 2020, phân đấu các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã đều có siêu thị với quy mô phù hợp.

- Hệ thống chợ: Thực hiện kiên cố hoá hệ thống chợ, phân đấu đến năm 2015 cơ bản xoá các chợ tạm; hình thành và phát triển mạng lưới chợ theo chức năng như chợ đầu mối tiêu thụ nông sản; ưu tiên phát triển mạng lưới chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã. Đầu tư mới và mở rộng, nâng cấp 13 chợ: Chợ trung tâm huyện, chợ Na Lốc, chợ Nậm Chảy, chợ Chậu xã Lùng Vai, chợ Pha Long, chợ Bản Lầu, chợ Lùng Khẩu Nhin, chợ Cao Sơn, chợ Trung tâm xã Lùng Vai, chợ Thanh Bình, chợ Nậm Lư, chợ Bản Xen, chợ Tả Ngải Chồ và các chợ gia súc phục vụ cho các hoạt động mua bán gia súc trong huyện và các vùng lân cận.

6. Quy hoạch lò giết mổ gia súc, gia cầm

Đến năm 2015, xây dựng 01 lò giết mổ gia súc, gia cầm ở khu vực ngoại ô của thị trấn Mường Khương. Quy mô của một lò giết mổ có diện tích từ 1.000 m² trở lên, xây dựng kiên cố, có đường giao thông ra vào thuận tiện, có bãi để các phương tiện vận chuyển; đảm bảo vệ sinh, môi trường.

7. Quy hoạch mạng lưới xăng dầu

Cải tạo, nâng cấp 03 cửa hàng xăng dầu hiện có, đầu tư mới 03 cửa hàng xăng dầu theo quy hoạch ở Thanh Bình, Pha Long, Cao Sơn.

8. Phương hướng tổ chức không gian phát triển du lịch

- Phát triển tuyến du lịch trung tâm: Thị trấn Mường Khương - cụm hang động Hàm Rồng và làng văn hóa xã Tung Chung Phố, La Pán Tản, Tả Thàng, Mường Khương. Phát triển tuyến du lịch trên dòng sông Chảy: Bảo Nhai - Cao Sơn.

- Xây dựng khu du lịch sinh thái Cao Sơn gồm các xã: Cao Sơn, Lùng Khẩu Nhin, La Pán Tản, Tả Thàng.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển

- Tăng thu thuế và phí vào ngân sách. Ngoài việc thu theo luật định, cần chống thất thu thuế và phí, nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và tạo vốn trong huyện, đặc biệt là huy động tối đa nguồn lực nội lực trong dân và các doanh nghiệp tại địa phương và vốn của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư hỗ trợ vào địa bàn huyện nghèo 30a. Chuẩn bị tốt các điều kiện để thu hút các dự án đầu tư từ nguồn vốn ODA, FDI...

- Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh và Trung ương vào phát triển các ngành quan trọng và có lợi thế.

- Tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất để bổ sung thêm vào nguồn vốn ngân sách thông qua việc thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm TTCN...

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó xác định cơ cấu, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ doanh gia.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện.

- Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề.

- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ...

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất.

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Giải quyết căn bản được các vấn đề về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao.

- Liên kết các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Cần có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt.

- Chú trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng bao gồm cả rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng kinh tế... Có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất.

- Có quy chế để bảo vệ môi trường đô thị, các khu dân cư tập trung, các nhà máy công nghiệp, cụm TTCN.

4. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Tham mưu cho tỉnh và thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp như: Khuyến khích đầu tư vào sản xuất giống, phát triển chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thủy sản và cây trồng có giá trị kinh tế cao; khuyến khích đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế rừng...

- Tham mưu cho tỉnh và thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như: Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp; khuyến khích đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu ổn định và vững chắc cho công nghiệp chế biến...

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển xã hội như: Đẩy mạnh quá trình xã hội hoá giáo dục - đào tạo, y tế, xoá đói giảm nghèo, xây dựng thôn, bản, đời sống văn hoá, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực...

5. Các giải pháp tăng cường xoá đói, giảm nghèo

- Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.

- Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo tham gia vào thị trường lao động.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tai, tệ nạn xã hội...

6. Hợp tác với các huyện khác trong và ngoài tỉnh

- Mở rộng hợp tác, liên kết chặt chẽ, chủ động đi vào hành động thực tiễn, cùng các huyện lân cận phát triển các quan hệ liên kết kinh tế để phát triển.

- Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị: Phối hợp xây dựng các tuyến giao thông...

- Hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp: Phối hợp trong quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường.

- Hợp tác trong lĩnh vực thương mại: Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch, xây dựng các tour du lịch.

- Hợp tác trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp: Hợp tác trong xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, sản xuất giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.

- Hợp tác trong đào tạo đại học, đào tạo đội ngũ quản trị doanh nghiệp và đào tạo nghề cho người lao động.

7. Giải pháp tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại

- Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị: Phối hợp xây dựng các tuyến giao thông, hệ thống thủy lợi.

- Hợp tác trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư xây dựng các cụm TTCN, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường.

- Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch.

- Hợp tác trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, sản xuất giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.

- Hợp tác với trong đào tạo đại học, đào tạo đội ngũ quản trị doanh nghiệp và đào tạo nghề cho người lao động.

8. Tăng cường an ninh - quốc phòng

- Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng - an ninh; phát động phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh - quốc phòng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân; kiên quyết trấn áp và xử lý các loại tội phạm. Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình cơ sở, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân nhằm tạo niềm tin và môi trường xã hội an toàn, trong sạch.

Điều 2. Giao UBND huyện Mường Khương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, thị trấn; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, hỗ trợ UBND huyện Mường Khương nghiên cứu lập các quy hoạch nêu tại Điểm 1 Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban

hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mường Khương trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Mường Khương đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
I	CÔNG NGHIỆP
1	Dự án khai thác kẽm, chì, ăng ty mon tại xã Cao Sơn, La Pán Tân
2	Dự án luyện kim màu tại Km 15 xã Bản Lầu, huyện Mường khương
3	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm TTCN Hủm Pa Lai - xã Mường Khương, km15 xã Bản Lầu...)
II	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH
1	Dự án xây dựng siêu thị loại III tại thị trấn Mường Khương
2	Dự án xây dựng các cửa hàng tổng hợp (theo hướng văn minh, hiện đại); các siêu thị với quy mô phù hợp tại trung tâm cụm xã, thị trấn, thị tứ, các xã quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Bản Lầu, Pha Long, Cao Sơn, Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình, Nậm Chảy, Nậm Lư, Lùng Khẩu Nhin.
3	Đầu tư xây dựng mới, mở rộng chợ Trung tâm huyện
4	Dự án đầu tư xây dựng các chợ gia súc phục vụ cho các hoạt động mua, bán gia súc trong huyện và các vùng lân cận
5	Dự án đầu tư xây dựng một lò giết mổ gia súc, gia cầm ở khu vực ngoại ô của thị trấn Mường Khương
6	Dự án đầu tư xây dựng mới 03 cửa hàng xăng dầu theo quy hoạch ở Thanh Bình, Pha Long, Cao Sơn
7	Dự án phát triển tuyến du lịch trung tâm: Thị trấn Mường Khương - cụm hang động Hàm Rồng và làng văn hóa xã Tung Chung Phố, La Pán Tân, Tả Thàng, Mường Khương
8	Dự án phát triển tuyến du lịch trên dòng sông Chảy: Bảo Nhai - Cao Sơn
9	Dự án xây dựng khu du lịch sinh thái Cao Sơn gồm các xã: Cao Sơn, Lùng Khẩu Nhin, La Pán Tân, Tả Thàng
III	GIAO THÔNG
1	Nâng cấp 33 km đoạn ngã ba Bản Phiệt - Mường Khương đường cấp IV; nâng cấp đường Quốc lộ 4D - Cửa khẩu chính Mường Khương, quy mô 10 km đường cấp IV
2	Nâng cấp QL 4D đoạn Mường Khương - Nàn Ma, tỉnh Hà Giang quy mô 90 km đường cấp IV
3	Nâng cấp đường Pha Long - Lao Kha quy mô 6 km đường cấp IV
4	Đầu tư đường từ mốc Biên giới 22 xuống sông Xanh thuộc khu vực Đồn Biên phòng Tả Gia Khâu dài 20 km
5	Đầu tư xây dựng đường Bản Lầu - Lùng Vai - Nậm Chảy dài 14 km, quy mô đường cấp V
6	Đầu tư xây dựng các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân trong vùng mưa lũ: Na Lốc 4 - Na Lốc 3,...
7	Đầu tư mở mới và nâng cấp 23 tuyến đường đến trung tâm xã, đường liên xã, với tổng chiều dài 165,9 km. Quy mô tối thiểu đường cấp VI miền núi

8	Đầu tư mở mới, nâng cấp 134 tuyến đường liên thôn, bản (gồm cả cầu, cống nhỏ), với tổng chiều dài 387,8 km
9	Đầu tư xây dựng bến xe khách tại thị trấn Mường Khương, quy mô trên 5.000 m ² ; Xây dựng một số điểm đón, trả khách ở các trung tâm xã trên các trục giao thông chính trên địa bàn huyện
IV	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo tiêu chí đến năm 2020: Thị trấn Mường Khương đô thị loại IV; thị trấn Bản Lầu, Pha Long: Đô thị loại V; thị tứ Cao Sơn; các trung tâm các xã xây dựng nông thôn mới: Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình, Nậm Chảy, Nậm Lư, Lùng Khẩu Nhin
V	CẤP ĐIỆN SINH HOẠT
1	Cải tạo, nâng cấp đầu tư mới lưới 220KV, lưới 110KV, các Trạm Biến áp 220/110/35KV-2x125MVA tại thị trấn Mường Khương và các xã để cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt
2	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp 62 công trình cấp điện trên địa bàn 16 xã, thị trấn với 75 thôn (phục vụ 3.254 hộ)
VI	THỦY LỢI
1	Tiêu úng xã Nậm Lư: Tưới 45 ha, tiêu 26 ha
2	Tiêu úng thị trấn Mường Khương: Tưới 60 ha, tiêu 30 ha
3	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi nhỏ tại 16 xã, thị trấn, bao gồm 119 công trình, phục vụ tưới cho 1.667 ha
VII	CẤP NƯỚC SINH HOẠT
1	Dự án nâng cấp Nhà máy Nước tại thị trấn Mường Khương công suất 2,5 - 3,0 nghìn m ³ /ngày đêm
2	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp 127 công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn 16 xã, thị trấn (6.897 hộ)
VIII	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
1	Đầu tư mở mới, nâng cấp 13 chợ: Na Lốc, Nậm Chảy, chợ Chậu xã Lùng Vai, Pha Long, Bản Lầu, Lùng Khẩu Nhin, Cao Sơn, chợ Trung tâm xã Lùng Vai, Thanh Bình, Nậm Lư, Bản Xen, Tả Ngải Chồ
2	Dự án chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng; Dự án trồng rừng thay thế nương rẫy tại hai xã Dìn Chín và Tả Gia Khâu
3	Chương trình ổn định vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng gạo đặc sản Sén Cù
4	Chương trình phát triển chăn nuôi gia súc
5	Chương trình phát triển nâng cao năng suất chất lượng vùng nguyên liệu thuốc lá
6	Chương trình đẩy mạnh thâm canh phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến chè đặc sản
7	Chương trình phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến tương ớt
8	Chương trình quy hoạch phát triển vùng cây ăn quả (dứa, chuối, mận hậu, lê xanh)
9	Chương trình xây dựng đề án nông thôn mới
10	Chương trình sắp xếp, ổn định dân cư

IX	BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG
1	Dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống bưu chính, viễn thông đảm bảo 16/16 xã được kết nối Internet; 226/226 thôn có sóng điện thoại di động hoặc cố định (có dây và không dây)
X	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG
1	Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp và nông thôn, công nghiệp và kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh phổ cập tin học, kết nối rộng rãi mạng Internet và các mạng nội bộ khác
2	Xây dựng hệ thống xử lý rác thải tại các xã Bản Lầu, Cao Sơn, Pha Long, thị trấn Mường Khương
3	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Mường Khương
4	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân với quy mô phù hợp tại 15 xã còn lại
XI	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
1	Dự án xây dựng Trung tâm Dạy nghề + Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện
2	Dự án xây dựng mở rộng Trường PTTH số 1 Mường Khương; Trường PTTH số 2 khu vực Bản Lầu
3	Dự án xây dựng Trường PTTH số 3 khu vực Cao Sơn
4	Dự án xây dựng Trường PTTH số 4 khu vực Pha Long
5	Dự án xây dựng Trường PT Dân tộc Nội trú liên cấp 2 - 3
6	Dự án kiên cố hoá trường lớp học mầm non, các cấp phổ thông
7	Đầu tư xây dựng nhà công vụ giáo viên và phòng ở cho học sinh, phòng vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp ăn, đường điện, tường...
8	Dự án đầu tư các phòng học chức năng, phòng hành chính quản trị
XII	Y TẾ
1	Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện quy mô 100 giường
2	Dự án xây dựng 03 Phòng khám đa khoa khu vực tại Cao Sơn, Bản Lầu, Pha Long, quy mô 15 giường/phòng khám
3	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Y tế
4	Dự án xây dựng nhà làm việc hợp khối gồm: Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm DS KHHGD, Trung tâm Kiểm định vệ sinh an toàn thực phẩm
5	Xây dựng mới theo tiêu chuẩn 10 Trạm Y tế xã; 16 phòng ở cho cán bộ y tế tại 16 Trạm Y tế xã
XIII	VĂN HOÁ - THÔNG TIN, THỂ DỤC - THỂ THAO
1	Dự án xây dựng công viên trung tâm huyện
2	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện
3	Xây dựng Nhà thiếu nhi trung tâm huyện
4	Xây dựng 3 sân vận động trung tâm cụm xã (Bản Lầu, Pha Long, Cao Sơn)
5	Dự án trùng tu, tôn tạo và xây mới các công trình văn hoá trên địa bàn
6	Dự án bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc
7	Xây dựng 180 nhà văn hoá thôn; 16 trung tâm văn hoá thể thao xã
XIV	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
1	Dự án xây dựng các trụ sở Huyện ủy, UBND huyện và hợp khối các phòng, ban của huyện

2	Dự án xây dựng Trung tâm Hội nghị huyện
3	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan ngành dọc trên địa bàn
4	Dự án xây mới, nâng cấp, hiện đại hóa trụ sở các xã, thị trấn
XV	PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH
1	Xây dựng mới 8 trạm chuyển tiếp phát thanh xã
2	Dự án nâng cấp Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện
XVI	QUỐC PHÒNG - AN NINH
1	Xây dựng khu kinh tế - quốc phòng
2	Xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ huyện
3	Đầu tư, mở rộng 12 Đồn Biên phòng tại 8/9 xã biên giới; Đồn Công an tại 5 xã: Mường Khương, Cao Sơn, La Pán Tản, Pha Long, Bản Lầu
4	Đầu tư các dự án sắp xếp dân cư biên giới (Lùng Vai, Na Lốc 5...)

* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.